

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ ĐỒN
TỈNH BẮC KẠN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2021/HS - ST
Ngày 27/4/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Văn Mẫn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nông Văn Điền

2. Ông Vy Phát Tước

- Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Khuyển – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Đậu Xuân Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2021/TLST - HS ngày 15/3/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST- HS ngày 13/4/2021 đối với bị cáo:

Hoàng Ngọc B; sinh năm 1987; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã Y, huyện C, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Đức V và bà Nông Thị T; vợ: Ma Thị T, con: Có 02 con (*Con lớn sinh năm 2009, Con nhỏ sinh năm 2011*); tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/01/2021 đến nay; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

* Người bào chữa cho bị cáo: Ông Hà Văn T - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt (Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

* Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh B. Người đại diện theo ủy quyền: ông Lục Đình H – Trưởng phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện C, tỉnh B (Theo văn bản ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện C. Có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

1. Ông Hà Sỹ T, sinh năm 1945, Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Y, huyện C, tỉnh B. Vắng mặt (Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

2. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1945, Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Y, huyện C, tỉnh B. Vắng mặt (Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

3. Ông Hà Sỹ H, sinh năm 1967, Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Y, huyện C, tỉnh B. Vắng mặt (Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

4. Ông Hoàng Đức T, sinh năm 1966, Nơi cư trú: Thôn P, xã Y, huyện C, tỉnh B. Vắng mặt (Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

5. Ông Nông Ngọc T, sinh năm 1982, Nơi cư trú: Thôn P, xã Y, huyện C, tỉnh B. Vắng mặt (Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

6. Ông Hoàng Đức X, sinh năm 1966, Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Y, huyện C, tỉnh B. Có mặt.

7. Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1985, Nơi cư trú: Thôn P, xã Y, huyện C, tỉnh B. Có mặt.

8. Ông Hoàng Đức H, sinh năm 1988, Nơi cư trú: Thôn P, xã Y, huyện C, tỉnh B. Vắng mặt (Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 18/02/2020 Trạm kiểm lâm B thuộc Hạt kiểm lâm huyện C phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Y (Nay là xã Y1), huyện C, tỉnh B tiến hành kiểm tra, phát hiện một phần diện tích rừng tại lô 95 khoảnh 5, tiểu khu 325 khu rừng K thuộc thôn P, xã Y (Nay là xã Y1), huyện C, tỉnh B đã bị phát phá trái phép cây cối (*Qua đo đạc sơ bộ ban đầu xác định được tổng diện tích rừng bị phát phá là 9527m²*). Quá trình điều tra, xác minh ban đầu xác định được đối tượng phát phá diện tích rừng trên là Hoàng Ngọc B, trú tại thôn P, xã Y, huyện C, tỉnh B phát phá trái phép vào khoảng tháng 10 năm 2019 với mục đích để lấy đất canh tác.

Ngày 11/3/2020, Hạt kiểm lâm huyện C phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, chính quyền địa phương, Viện kiểm sát huyện tiến hành khám nghiệm hiện trường. Kết quả sử dụng máy định vị toàn cầu (GPS) để đo đạc, thống kê xác định diện tích rừng bị Hoàng Ngọc B phát phá trái phép là 5846 m² (0.5846ha) và đã bị đốt dọn để lấy mặt bằng canh tác, không xác định được số lâm sản bị thiệt hại (Chỉ còn lại 119 gốc cây gỗ tự nhiên). Quá trình khám nghiệm xác định được phần diện tích rừng bị phát phá đều thuộc khoảnh 5, tiểu khu 325 khu rừng K thuộc thôn P, xã Y, huyện C, tỉnh B, tuy nhiên nằm rải rác, chồng lấn trên các lô khác nhau, cụ thể: Tại lô 95 là 5112,54m² (*theo bản đồ thì diện tích này được giao cho gia đình ông Hà Sỹ T trú tại thôn Đ, xã Y, huyện C, tỉnh B*); Tại lô 62 là 11,32 m² (*theo bản đồ thì diện tích này được giao cho gia đình ông Nông Ngọc T trú tại thôn P, xã Y, huyện C, tỉnh B*); Tại Lô 67 là 10,99 m² và Lô 81 là 475,8m² (*theo bản đồ thì diện tích này được giao cho gia đình ông Hoàng Đức T trú tại thôn P, xã Y, huyện C, tỉnh B*); Tại Lô 78 là 235,35 m² (*theo bản đồ thì diện tích này được giao cho gia đình ông Hoàng Đức X trú tại thôn P, xã Y, huyện C,*

tỉnh B). Tổng diện tích rừng bị phát phá tại Lô 95 là 5112,54m² và tổng diện tích rừng bị phát phá chồng lấn sang các lô khác là 733,46m². Theo bản đồ quy hoạch 03 loại rừng ban hành kèm theo Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Bắc Kạn và bản đồ hiện trạng rừng năm 2019 trên địa bàn huyện C ban hành theo Quyết định 489/QĐ-UBND ngày 09/03/2020 của UBND huyện C thì toàn bộ phần diện tích rừng do Hoàng Ngọc B phát phá là rừng sản xuất, hiện trạng rừng là rừng tự nhiên do UBND huyện Chợ Đồn quản lý.

Ngoài ra, quá trình điều tra, xác minh xác định: Theo bản đồ quy hoạch 03 loại rừng, Bản đồ diễn biến rừng xã Y và Bản đồ địa chính xã Y xác định toàn bộ phần diện tích rừng bị phát phá chồng lấn sang các lô 62, 67, 78, 81 đứng tên các hộ gia đình ông Nông Ngọc T, Hoàng Đức T và Hoàng Đức X đều trú tại thôn P, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Tuy nhiên trên thực tế thì toàn bộ diện tích rừng mà Hoàng Ngọc B phát phá trái phép là đều do gia đình ông Hà Sỹ T, trú tại thôn Đ, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn được giao khoán nuôi, bảo vệ và không có tranh chấp.

Ngày 03/7/2020, Hạt kiểm lâm huyện C đã tiến hành bàn giao toàn bộ hồ sơ vụ án cho Cơ quan CSĐT Công an huyện C để tiến hành điều tra theo quy định.

Quá trình điều tra, truy tố Hoàng Ngọc B khai nhận: Ngày 21/9/2019, có nhận chuyển nhượng diện tích rừng tại thửa 668 (lô 95 khoảnh 5, tiểu khu 325) thuộc thôn P, xã Y, huyện C, tỉnh B với ông Hà Sỹ H với số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) và chỉ làm giấy viết tay, chưa làm thủ tục gì với cơ quan nhà nước và được ông H đưa cho 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 372791 do UBND huyện C cấp ngày 27/5/2009 với diện tích 9527m² mang tên ông Hà Sỹ T, và bà Nguyễn Thị G (Bố mẹ đẻ của ông Hà Sỹ H) Sau khi mua được diện tích rừng trên với ông H thì đến khoảng tháng 10 năm 2019 do cần lấy đất canh tác (Trồng rừng) nên B một mình dùng dao phát phá trái phép toàn bộ diện tích rừng mua với H trong khoảng thời gian 15 ngày, đối với các cây rừng tự nhiên không thể dùng dao chặt hạ được thì sau khi phát quang xong B đã mượn máy cưa xăng (cưa lốc) của em trai họ tên là Hoàng Đức H để cắt hạ trong thời gian một ½ ngày và để các cây trên diện tích rừng phát phá khô tự nhiên. Đến khoảng tháng 12 năm 2019 thì B vào đốt dọn để canh tác (Trồng rừng), quá trình đốt dọn có một số cây không cháy hết B đã trực tiếp lấy một phần về nhà làm củ đun và cho một số người dân tại thôn P lấy về làm củ đun. Đến ngày 18/02/2020 thì bị Cơ quan chức năng phát hiện, lập biên bản về việc phát phá rừng trái phép. Đến khoảng tháng 8 năm 2020, B đã tự nguyện trồng lại khoảng 1000 cây trên toàn bộ diện tích rừng do B phát phá trái phép với mục đích khắc phục hậu quả.

Tiến hành điều tra, xác minh ông Hà Sỹ H khai nhận: Ông được bố, mẹ là ông Hà Sỹ T và bà Nguyễn Thị G giao cho quản lý, sử dụng và toàn quyền quyết định diện tích rừng tại khu vực rừng K có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 372791 do UBND huyện Chợ Đồn cấp ngày 27/5/2009 với diện tích 9527m² mang

tên ông Hà Sỹ T và bà Nguyễn Thị G (Bố, mẹ đẻ của ông Hà Sỹ H). Do không có nhu cầu sử dụng nên ngày 21/9/2019, H đã chuyển nhượng cho Hoàng Ngọc B toàn bộ diện tích rừng trên với số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) và chỉ làm giấy chuyển nhượng viết tay, chưa làm thủ tục gì với cơ quan nhà nước. Quá trình B phát phá diện tích rừng trên thì ông không biết.

Về vật chứng: Đối với 01 con dao chặt đã qua sử dụng có chiều dài 43cm, chuôi dao bằng gỗ có chiều dài 14,5cm, lưỡi dao có bản rộng nhất 5,6cm Hoàng Ngọc B sử dụng để phát phá diện tích rừng nêu trên đang được tạm giữ tại Kho vật chứng Công an huyện Chợ Đồn chờ xử lý.

Đối với 01 máy cưa xăng (cưa lốc) Hoàng Ngọc B mượn của em trai mình là Hoàng Đức H để sử dụng để cắt những cây tự nhiên có kích thước lớn trên diện tích rừng phát phá trái phép B đã trả lại cho H. Khoảng tháng 3 năm 2020 H đã bán cho một người đàn ông không rõ tên tuổi, địa chỉ. Quá trình điều tra không tiến hành thu giữ được.

Đối với số lâm sản (các loại cây) nằm trên diện tích rừng bị phát phá trái phép đã được B đốt dọn hết, một số cây còn lại chưa cháy hết B và một số người dân lấy về làm củ đun. Quá trình điều tra không xác định và thu hồi được.

Phần dân sự: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự có đơn đề nghị xử lý người vi phạm theo quy định và không yêu cầu về bồi thường thiệt hại.

Tại bản cáo trạng số 10/CT - VKSCĐ ngày 14 tháng 3 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn đã truy tố bị cáo Hoàng Ngọc B về tội “*Hủy hoại rừng*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hoàng Ngọc B phạm tội “*Hủy hoại rừng*”. Về hình phạt đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Ngọc B từ 12 đến 18 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 36 tháng; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; về trách nhiệm dân sự: Không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết; về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để tịch thu tiêu hủy 01 con dao là công cụ dùng vào việc phát phá rừng trái phép; về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại bản luận cứ của người bào chữa cho bị cáo thể hiện: Về tội danh Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo là có căn cứ. Ngoài ra luận cứ của người bào chữa có đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt bổ sung, bồi thường thiệt hại và phần án phí như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Về hình phạt chính người bào chữa đề nghị xử phạt đối với bị cáo từ 12 đến 15 tù, nhưng cho hưởng án treo theo Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Người đại diện của nguyên đơn dân sự không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại.

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chợ Đồn, Điều tra viên, Viện kiểm sát huyện Chợ Đồn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp

[2] Tại phiên tòa bị cáo Hoàng Ngọc B khai nhận: Do có nhu cầu lấy đất canh tác (Trồng rừng) nên vào khoảng tháng 10 năm 2019, bị cáo đã phá rừng trái phép tại khoảnh 5, tiểu khu 325 khu rừng K thuộc thôn P, xã Y (Nay là xã Y1), huyện C, tỉnh Bắc Kạn, theo bản đồ quy hoạch 03 loại rừng ban hành kèm theo Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Bắc Kạn và bản đồ hiện trạng rừng năm 2019 trên địa bàn huyện Chợ Đồn ban hành theo Quyết định 489/QĐ-UBND ngày 09/03/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn thì toàn bộ phần diện tích rừng do Hoàng Ngọc B phát phá là rừng sản xuất, hiện trạng rừng là rừng tự nhiên cấm chặt phá. Tổng diện tích rừng bị cáo Biên phát phá trái phép là 5846 m² nằm rải rác tại các Lô 95 là 5112,54m², tại lô 62 là 11,32 m², tại Lô 67 là 10,99 m² và Lô 81 là 475,8m², tại Lô 78 là 235,35 m².

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ cơ sở để kết luận: Hành vi phát phá trái phép rừng với diện tích là 5846 m² của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Hủy hoại rừng*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự như Cáo trạng số: 10/CT – VKSCĐ ngày 14 tháng 3 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn truy tố.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến hoạt động quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn, gây tác hại đến môi trường sinh thái. Do đó cần xử lý nghiêm đối với bị cáo để đảm bảo giáo dục bị cáo đồng thời để đảm bảo tính răn đe phòng ngừa chung trong cộng đồng dân cư trên địa bàn.

[4] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phát phá rừng trái phép bị cáo đã tự nguyện trồng lại cây trên toàn bộ diện tích rừng phát phá để

khắc phục hậu quả xảy ra. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo bố đẻ là ông Hoàng Đức V, ông nội là Hoàng Đức L và bà ngoại là Nguyễn Thị M là người có công với nước được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về hình phạt chính: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đảm bảo việc răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 4 Điều 243 Bộ luật hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng*”. Tuy nhiên, qua các tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Bị cáo là người làm ruộng, có thu nhập thấp, không có khả năng thực hiện hình phạt tiền. Do đó, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với 01(một) con dao chặt đã qua sử dụng có chiều dài 43cm, chuôi dao bằng gỗ có chiều dài 14,5cm, lưỡi dao có bản rộng nhất 5,6cm là công cụ dùng vào việc phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 máy cưa xăng bị cáo mượn của em họ Hoàng Đức H sử dụng để phát phá cây rừng trái phép, sau đó H đã bán cho người khác và số lâm sản (các loại cây) sau khi bị cáo phát phá và đốt còn sót lại tại rừng được người dân lấy làm củ đun, quá trình điều tra đều không xác định và thu hồi được nên không có căn cứ xử lý.

[9] Trong vụ án này còn có ông Hoàng Đức T, ông Hoàng Đức X, ông Nông Ngọc T (ông Nông Ngọc T là con trai ông Nông Ngọc T đã chết), ông Hà Sỹ T và bà Nguyễn Thị G là những người có diện tích đất rừng liên quan đến diện tích rừng do bị cáo phát phá trái phép tại khoảnh 5, tiểu khu 325 khu rừng K thuộc thôn P, xã Y (Nay là xã Y1), huyện C, tỉnh B. Quá trình điều tra xác định toàn bộ phần diện tích rừng mà bị cáo Hoàng Ngọc B phát phá trái phép tại khoảnh 5, tiểu khu 325 khu rừng K là do bị cáo B mua và quản lý, bảo vệ, các ông Nông Ngọc T, ông Hoàng Đức T, ông Hoàng Đức X, ông Hà Sỹ T và bà Nguyễn Thị G đều thừa nhận thực tế diện tích đất rừng bị cáo B phát phá trái phép đều do gia đình bị cáo B quản lý và sử dụng, các ông không có quyền lợi gì đối với diện tích rừng bị cáo phát phá.

Đối với ông Hà Sỹ H là người đã chuyển nhượng cho Hoàng Ngọc B toàn bộ diện tích rừng tại lô 95 khoảnh 5, tiểu khu 325 khu rừng K. Quá trình điều tra xác định ông H không biết và không liên quan đến việc phát phá rừng trái phép của bị cáo B. Do đó, không có căn cứ để xử lý đối với ông H.

Đối với ông Hoàng Đức H là người cho bị cáo mượn chiếc cưa xăng (cưa lốc) để chặt phá cây rừng trái phép, quá trình điều tra xác định ông H không biết và không liên quan gì đến hành vi phát phá rừng của bị cáo B. Do đó không có cơ sở để xử lý đối với ông H.

Đối với bà Hoàng Thị N được bị cáo B cho lấy lâm sản về làm củi đun, quá trình điều tra xác định bà N không liên quan gì đến hành vi phát phá rừng của bị cáo B. Do đó không có cơ sở để xử lý đối với bà N.

[10] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí tòa án. Bị cáo Hoàng Ngọc B phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Ngọc B phạm tội “*Hủy hoại rừng*”.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Ngọc B 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Hoàng Ngọc B cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01(một) con dao chặt đã qua sử dụng có chiều dài 43cm, chuôi dao bằng gỗ có chiều dài 14,5cm, lưỡi dao có bản rộng nhất 5,6cm.

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn)

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí tòa án. Bị cáo Hoàng Ngọc B phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS tỉnh;
- Sở tư pháp;
- VKSND Chợ Đồn;
- Công an Chợ Đồn;
- THADS Chợ Đồn;
- Người tham gia tt;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Triệu Văn Mẫn